

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/DS-ST

Ngày: 21-5-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay
tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện

- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Lương Thanh Văn
2. Ông Đỗ Văn Ngôn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Công - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2023/TLST-DS ngày 21/11/2023, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-DS ngày 21/3/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2024/QĐHST-DS, ngày 19/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Bá M, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

2. Anh Vũ Hữu Đ, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: chị và chị Nguyễn Thị T1 là chị em ở cùng quê chơi thân với nhau, đến ngày

28/12/2021 chị T1 có hỏi vay tiền chị số tiền là 70.000.000 đồng, mục đích là để đi đóng họ, chị T1 hẹn sau hai tháng kể từ ngày vay tiền sẽ trả lại số tiền đã vay, khi vay hai bên không thỏa thuận về lãi, khi vay hai bên không viết giấy biên nhận vay tiền, chỉ thỏa thuận miệng với nhau và có nhắn tin qua tin nhắn zalo. Chị chuyển khoản cho chị T1 từ số tài khoản: 1015640933 (ngân hàng S) đến số tài khoản 0975012266 của chị T1 thuộc Ngân hàng Q.

Ngày 30/12/2021 chị T1 tiếp tục vay số tiền 30.000.000 đồng, mục đích chị T1 vay là để chi tiêu cá nhân, chị T1 hẹn sau hai tháng kể từ ngày vay tiền sẽ trả lại số tiền đã vay, khi vay hai bên không thỏa thuận về lãi, khi vay hai bên không viết giấy biên nhận vay tiền, chỉ thỏa thuận miệng với nhau và có nhắn tin qua tin nhắn zalo, chị chuyển khoản cho chị T1 20.000.000 đồng từ số tài khoản: 1015640933 (ngân hàng S) đến số tài khoản 0975012266 của chị T1 thuộc Ngân hàng Q, còn lại 10.000.000 đồng chị đưa tiền mặt cho chị T1.

Ngày 02/5/2022 chị tiếp tục chuyển khoản cho chị T1 vay số tiền 70.000.000 đồng qua số tài khoản ở phía trên. Khi vay có nói là để chi tiêu cá nhân hẹn 01 tháng sau sẽ trả, khi vay hai bên không thỏa thuận về lãi, khi vay hai bên không viết giấy biên nhận vay tiền, chỉ thỏa thuận miệng với nhau và có nhắn tin qua tin nhắn zalo.

Ngày 10/6/2022 chị tiếp tục chuyển khoản cho chị T1 vay số tiền 15.000.000 đồng qua số tài khoản ở trên và đưa cho chị T1 4.000.000 đồng tiền mặt. Từ lúc vay tiền của chị đến hiện nay chị T1 chưa trả chị tiền lãi cũng như tiền gốc, đến nay chị T1 nợ chị tổng số tiền là 199.000.000 đồng, chị đã nhiều lần đến nhà chị T1 để yêu cầu chị T1 trả nợ nhưng chị T1 chỉ hẹn sẽ trả sau. Chị xác định việc chị cho chị T1 vay tiền là cá nhân chị T1 vay tiền không liên quan gì đến chồng chị T1, đồng thời số tiền này cũng là tiền cá nhân của chị không liên quan gì đến chồng chị.

Do vậy chị đề nghị cá nhân chị T1 phải trả chị số tiền gốc đã vay là 199.000.000 đồng và tiền lãi. Về tiền lãi chị đề nghị tính lãi bắt đầu từ ngày 10/6/2022 là 0,83%/tháng.

Tại Biên bản hòa giải ngày 15/3/2024 và tại phiên tòa chị T xác định, chị T1 còn nợ lại chị là 145.000.000đ, chị yêu cầu chị T1 trả chị 145.000.000đ và tiền lãi là 0,83%/tháng tính từ ngày 01/7/2022.

Lời khai bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Chị và chị T là hàng xóm, cùng chơi hội chị em, chị xác định từ khoảng tháng 4, tháng 5 năm 2021 đến cuối năm 2022 chị có nhiều lần vay tiền của chị T, có lần chị T đưa tiền mặt, có lần chuyển khoản, đến nay chị xác định còn nợ chị T 145.000.000đ, chị xin được trả dần chị T. Chị vay tiền chị T1 với mục đích cá nhân, chồng chị là anh Nguyễn Bá M không biết, không liên quan đến anh M.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Bá M trình bày: Anh là chồng của chị T1 là hàng xóm của chị T, anh không biết cụ thể chị T1 vay chị T bao nhiêu, vào thời gian nào, mục đích chị

T1 vay làm gì anh không được biết; khi chị T1 đến nhà đòi tiền anh có biết, nay anh xác định anh không liên quan đến việc chị T1 nợ tiền chị T.

Anh Vũ Hữu Đ trình bày: Anh là chồng chị T việc chị T cho vay tiền là tiền riêng của chị T, không liên quan đến anh, anh đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án.

** Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 2 Điều 3; Điều 463, Điều 466, 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Nguyễn Thị T1 phải thanh toán trả chị Nguyễn Thị T số tiền là 170.273.500đ

Về án phí: chị T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của chị Nguyễn Thị T và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án xác định đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Bị đơn chị Nguyễn Thị T1 có địa chỉ tại tổ dân phố N, phường Q, thị xã V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn chị T1 trả số tiền đã vay là 145.000.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tòa án thấy rằng:

[2.1] Về vay tài sản: Do quen biết nên giữa chị T và chị T1 nhiều lần thực hiện giao dịch dân sự vay tài sản cụ thể ngày: Các lần chị T chuyển khoản cho chị T1 từ số tài khoản của chị T 1015640933 (ngân hàng S) đến số tài khoản 0975012266 của chị T1 thuộc Ngân hàng Q là: 28/12/2021 chuyển 70.000.000đ; 30/12/2021 chuyển 20.000.000đ; ngày 02/5/2022 chuyển 70.000.000đ; ngày 10/6/2022 là 15.000.000đ, tổng số tiền chuyển khoản là 175.000.000đ, ngoài ra có các lần đưa

tiền mặt là ngày 30/12/2021 đưa 10.000.000đ, ngày 10/6/2022 đưa 4.000.000đ, đến nay sau khi đã đối chiếu việc trả nợ với chị T1 chị xác định chị T1 còn nợ lại chị là 145.000.000đ.

Phía chị T1 thừa nhận có vay chị T dưới hình thức chuyển khoản và tiền mặt, chị thừa nhận còn nợ chị T 145.000.000đ, do đó xác định chị T1 có vay và còn nợ chị T là 145.000.000đ.

[2.2] Về tiền lãi: Khi vay hai bên thuận trả lãi nhưng không xác định được lãi suất là bao nhiêu nên căn cứ khoản 2 Điều 468 thì lãi suất là 10%/năm tương ứng với 0,83%/tháng, chị T yêu cầu tính lãi từ ngày 01/7/2022 đến nay tính tròn là 21 tháng $145.000.000đ \times 0,83\% \times 21 \text{ tháng} = 25.273.500đ$.

Để đảm bảo quyền lợi cho người được thi hành án cần áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Về trách nhiệm trả nợ: Chị T và chị T1 cùng xác định khoản vay này là cá nhân chị T1 vay không liên quan đến anh M do vậy cần buộc chị T1 có trách nhiệm trả chị T số tiền 145.000.000đ và lãi là 25.273.500đ tổng là 170.273.500đ là phù hợp với Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Thị T1 phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 3; Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Nguyễn Thị T1 phải thanh toán trả chị Nguyễn Thị T số tiền gốc là 145.000.000đ và lãi là 25.273.500đ tổng là 170.273.500đ. (*Một trăm bảy mươi triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng*)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: chị Nguyễn Thị T1 phải chịu 8.513.675 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; trả lại chị T số tiền tạm ứng án phí 5.675.000đ đồng tại Biên lai thu số

0003201, ngày 15/11/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên (nay là thị xã V).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án, hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND thị xã Việt Yên;
- THADS thị xã Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Công thông tin điện tử Tòa án tối cao.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Luyện